

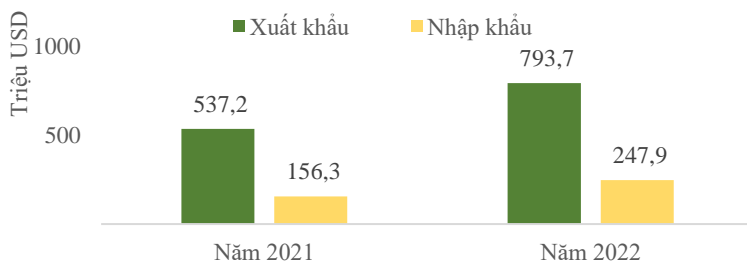
# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



### TÌNH HÌNH CHUNG

Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

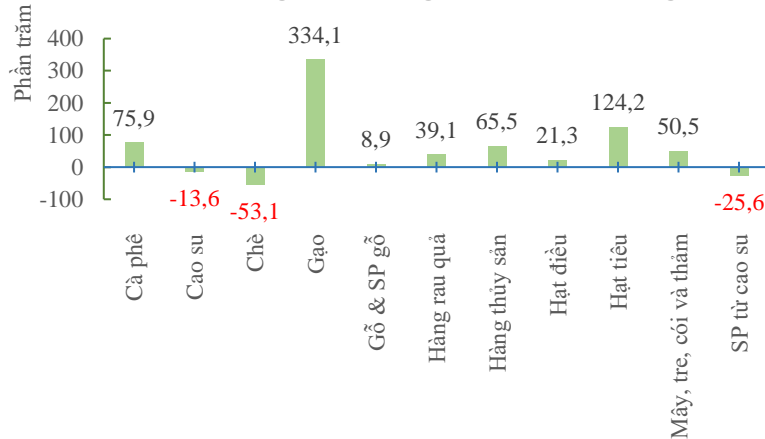


#### So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – EU

(2 tháng 2021 và 2 tháng 2022)

Xuất khẩu ▲ 47,7%  
Nhập khẩu ▲ 58,6%

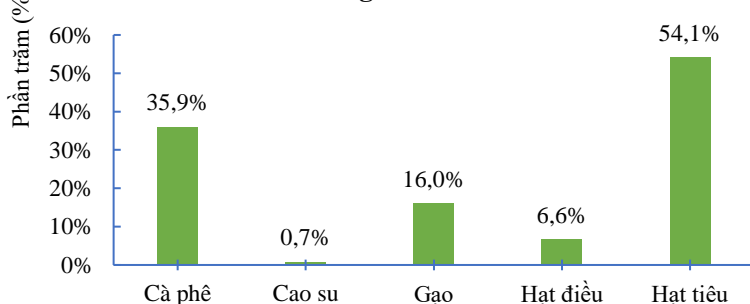
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang EU 2 tháng 2022 so với 2 tháng 2021



#### So sánh tháng 1 năm 2022 với tháng 1 năm 2021

Cà phê ▲ 75,9%  
Cao su ▼ 13,6%  
Chè ▼ 53,1%  
Gạo ▲ 334,1%  
Gỗ và SP Gỗ ▲ 8,9%  
Rau quả ▲ 39,1%  
Thủy sản ▲ 65,5%  
Hạt điều ▲ 21,3%  
Hạt tiêu ▲ 124,2%  
Mây tre đan ▲ 50,5%  
SP từ cao su ▼ 25,6%

Biến động giá xuất khẩu BQ tháng 2/2022 so với tháng 2/2021



#### So sánh giá xuất khẩu tháng 2/2022 với tháng 2/2021

Cà phê ▲ 35,9%  
Cao su ▲ 0,7%  
Gạo ▲ 16,0%  
Hạt điều ▲ 6,6%  
Hạt tiêu ▲ 54,1%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo ước tính sơ bộ của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), lạm phát hàng năm của Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) tăng lên mức kỷ lục 7,5% vào tháng 3/2022, tăng từ 5,9% vào tháng 2/2022. Lạm phát đặc biệt nghiêm trọng và chậm mức hai con số ở một số quốc gia thành viên EU, trong đó Litva dẫn đầu với 15,6%, tỷ lệ tăng chậm nhất được ghi nhận ở Malta, với mức tăng 4,6%. Đối với các quốc gia thành viên quan trọng của EU thì lạm phát ở Đức đã tăng 7,6%, Pháp là 5,1%, Italia là 7,0% và Tây Ban Nha là 9,8%.

Theo Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB), lạm phát ở Khu vực đồng tiền chung Châu Âu có khả năng bị thúc đẩy bởi 3 yếu tố, bao gồm giá năng lượng trên toàn thế giới tăng cao, áp lực ngày càng tăng trong lĩnh vực thực phẩm và một số điểm nghẽn sản xuất. ECB đã bắt đầu tăng lãi suất để cố gắng điều tiết đà tăng lạm phát. Các quốc gia châu Âu không sử dụng đồng euro như Cộng hòa Séc, Anh, Na Uy cũng đang triển khai động thái tương tự.

Theo Eurostat, giá năng lượng trong tháng 3/2022 đã tăng 44,7% so với tháng 3/2021. Giá thực phẩm, rượu và thuốc lá tăng 5,0% trong một năm. Các loại hàng hóa công nghiệp, không bao gồm năng lượng tăng 3,4% và hàng hóa dịch vụ tăng 2,7%. Tỷ lệ lạm phát, không bao gồm năng lượng và thực phẩm chưa qua chế biến, đã lên tới 3,2% trong một năm, so với 2,9% một tháng trước đó. Lạm phát trong khu vực đồng tiền chung châu Âu đang ở mức cao nhất kể từ năm 1997.

Liên minh châu Âu (EU) đang quan ngại về tình hình giá nông sản, nhiên liệu trên toàn cầu tăng mạnh do căng thẳng Nga-Ukraine. EU không có nguy cơ thiếu lương thực, nhưng lo ngại những hậu quả mà cuộc xung đột tại Ukraine có thể gây ra ở châu Phi hoặc châu Á, dẫn đến tác động gián tiếp đến EU; do đó, EU phải đảm bảo an ninh lương thực. Một số quốc gia thành viên cũng đang kiến nghị các mục tiêu xanh của Chính sách nông nghiệp chung (PAC) nên nhường chỗ cho an ninh lương thực và các yêu cầu sản xuất khác.

Nga và Ukraine nằm trong số các nước xuất khẩu ngũ cốc hàng đầu thế giới, chiếm 30% lượng xuất khẩu lúa mì. Do đó, kể từ khi xung đột bùng nổ, giá lúa mì, đậu nành, hạt cải dầu và ngô trên thế giới đã tăng vọt, cũng như giá phân bón và

nhiên liệu. Chính vì vậy, EU đang tìm cách để tăng sản lượng nông nghiệp và hỗ trợ nông dân bị ảnh hưởng do nguồn cung thức ăn chăn nuôi giảm mạnh. Ủy ban châu Âu (EC) sẽ đưa ra các đề xuất hỗ trợ. Các đề xuất của EC sẽ cho phép tái phát triển 4 triệu hecta đất trồng trọt trên lãnh thổ EU. EC sẽ áp dụng các biện pháp để ngăn chặn sự gián đoạn thị trường và hỗ trợ dự trữ tư nhân thức ăn chăn nuôi cho ngành lợn, cho phép sử dụng đất hoang để chăn thả hoặc phát triển các loại cây trồng chứa nhiều protein. EC cũng dự định tăng tỷ lệ ứng trước trong các khoản thanh toán trực tiếp cho nông dân và sẽ tiếp tục thảo luận với các quốc gia thành viên về khả năng thiết lập một cấu trúc liên kết tạm thời mới trong thời kỳ khủng hoảng.

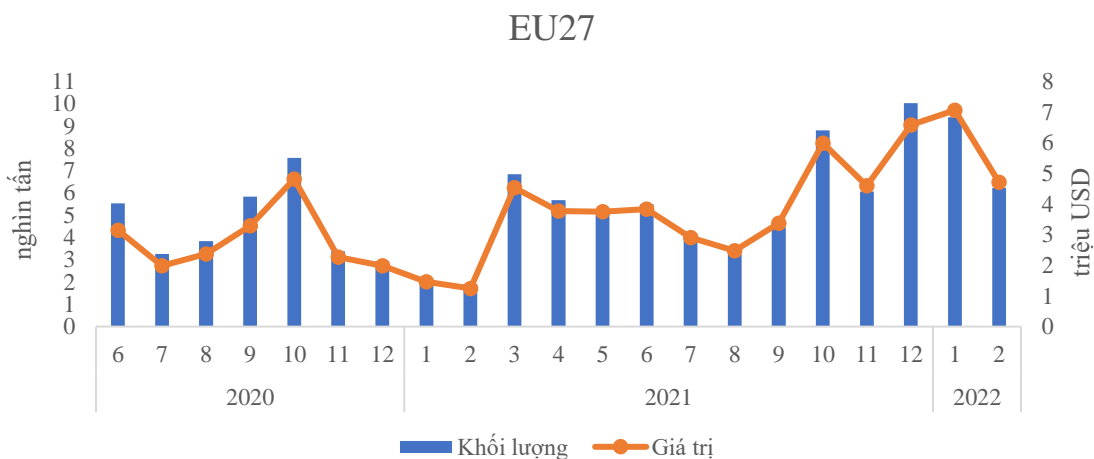
Về thương mại NLTS của EU với Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2022, Việt Nam đã xuất 793,7 triệu USD sang EU, trong khi nhập khẩu 247,9 triệu USD, tăng 47,7% về xuất khẩu và 58,6% về nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2021. Tốc độ tăng trưởng của các mặt hàng nông sản chính xuất khẩu sang EU so với năm 2021 cụ thể như sau: cà phê (tăng 75,9%), cao su (giảm 13,6%), chè (giảm 53,1%), gạo (tăng 334,1%), gỗ & sản phẩm gỗ (tăng 8,9%), hàng rau quả (tăng 39,1%), hàng thủy sản (tăng 65,5%), hạt điều (tăng 21,3%), hạt tiêu (tăng 124,2%), mây, tre, cói và thảm (tăng 50,5%), và sản phẩm từ cao su (giảm 25,6%).

# CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

## 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2022, Việt Nam xuất khẩu được 6,2 nghìn tấn gạo, trị giá 4,7 triệu USD sang thị trường EU, giảm 33,8% về khối lượng và 33,2% về giá trị so với tháng trước; tăng 226,2% về khối lượng và 278,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

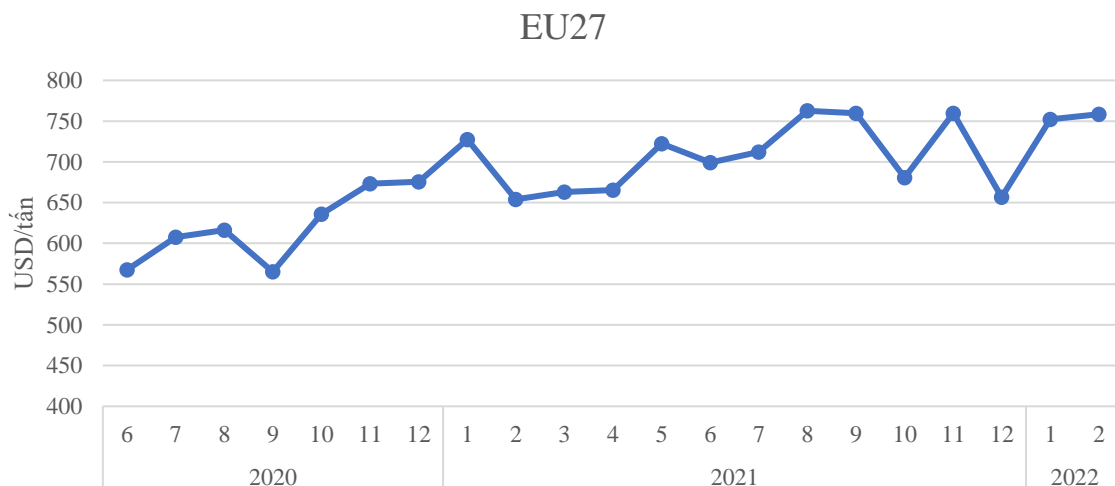
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 2/2022 đạt 758,3 USD/tấn, tăng 0,8% so với tháng trước và 16,0% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU**

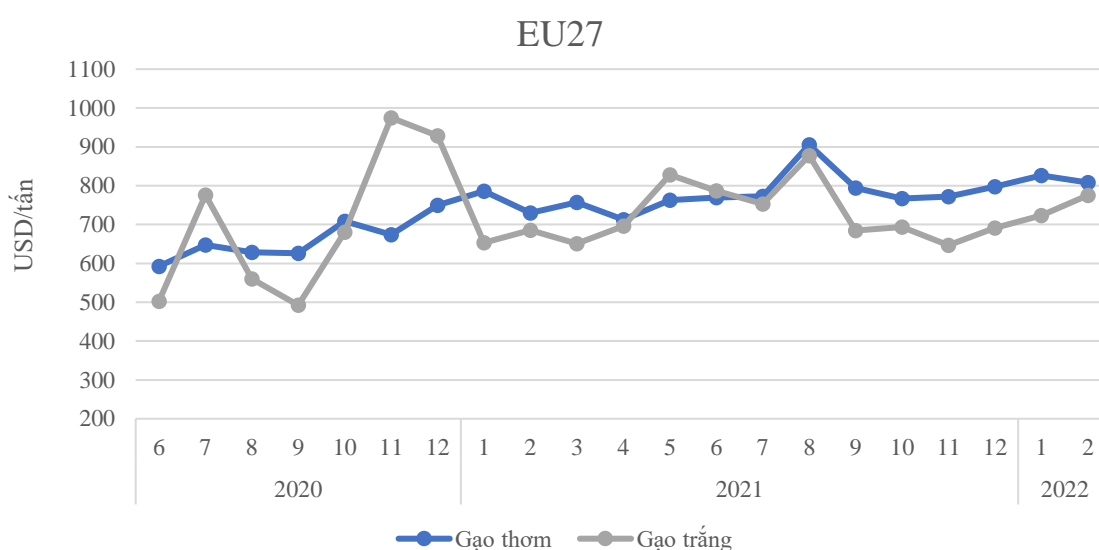


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 2,2 nghìn tấn, trị giá 1,8 triệu USD (chiếm 34,8% về khối lượng và 39,2% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã tăng 361,1% về khối lượng và 605,2% về giá trị.

Giá gạo thơm tháng 2/2022 đạt trung bình 808,3 USD/tấn, giảm 2,1% so với tháng trước và tăng 10,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 775,3 USD/tấn, tăng 7,2% so với tháng trước và 13,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 2. RAU QUẢ

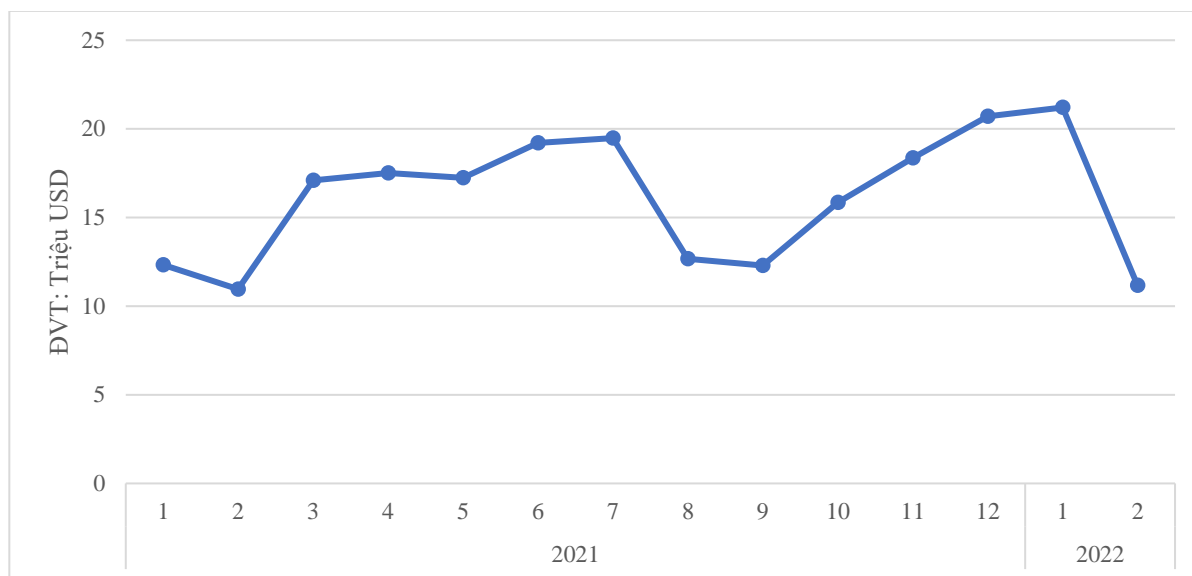
Theo Hiệp hội Táo và lê Thế giới, dự trữ táo ở châu Âu tính đến ngày 1/3/2022 tăng 8,6% so với năm 2021 đạt 2.935.962 tấn, trong khi dự trữ lê giảm 14,9% xuống 388.495 tấn.

Sản lượng chuối trong 4 tháng đầu năm 2022 của EU dự báo đạt 224.314 tấn, tăng một chút so với cùng kỳ năm trước. Giá chuối sản xuất tại EU dự báo ở mức cao, với giá 1,45 Eur/kg đối với chuối Bồ Đào Nha, chuối Hy Lạp đạt 0,97 Eur/kg, chuối Tây Ban Nha đạt 0,95 Eur/kg.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Thực phẩm (MAPA), EU nhập khẩu 2.010.635 tấn trái cây có múi trong năm 2021, giảm 2,5% so với năm 2020 nhưng tăng 4,6% so với mức trung bình 5 năm gần đây.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 2 năm 2022 đạt 11,2 triệu USD, chiếm 5,1% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 47,3% so với tháng trước và tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 32,4 triệu USD, chiếm 6,4% thị phần, tăng 39,1% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU**

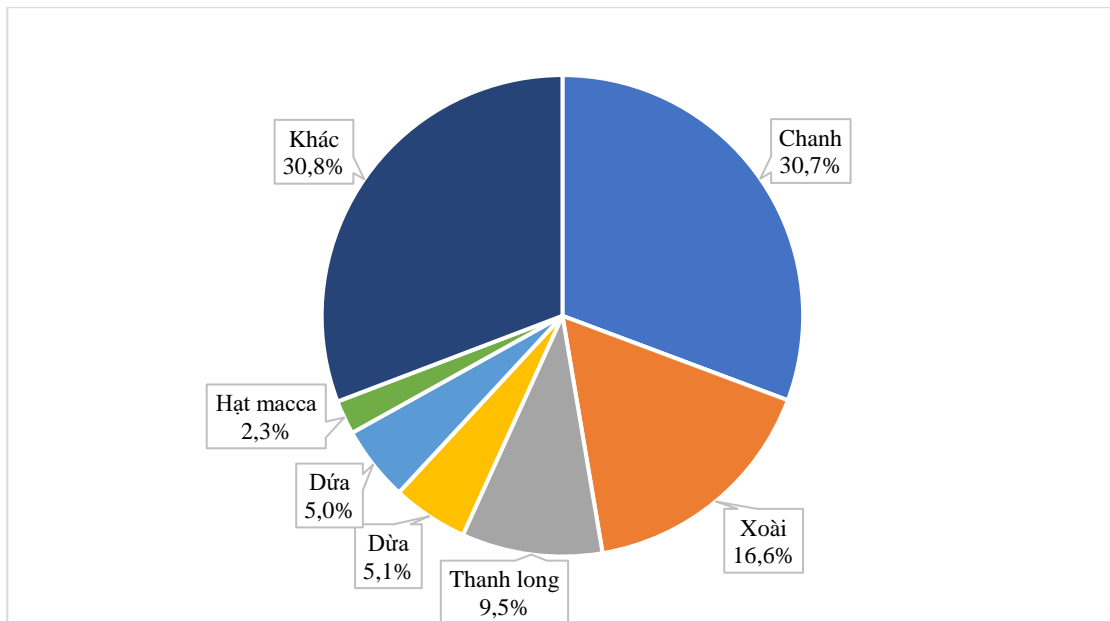


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 2 năm 2022 chủ yếu là trái cây (đạt 9,9 triệu USD, chiếm 88,9% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh, v.v.) chiếm tới 62,6% (so cùng kỳ 2021 là 63,9%), trái cây chế biến chiếm 26,4% (cùng kỳ 2021 là 21,8%). Mặt hàng rau đạt 1,2 triệu USD (chiếm 11,1%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 9,1% (năm 2021 là 13,1%), rau chế biến chiếm 1,9% (năm 2021 là 1,2%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 2/2022 bao gồm: chanh đạt 3,4 triệu USD (chiếm 30,7% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 21,5% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 1,9 triệu USD (chiếm 16,6%), tăng 116,1%; thanh long đạt 1,1 triệu USD (chiếm 9,5%), giảm 29,9%; dứa đạt 569,3 nghìn USD (chiếm 5,1%), giảm 22,4%; dưa đạt 561,8 nghìn USD (chiếm 5,0%), tăng 55,2%...

**Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 2/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

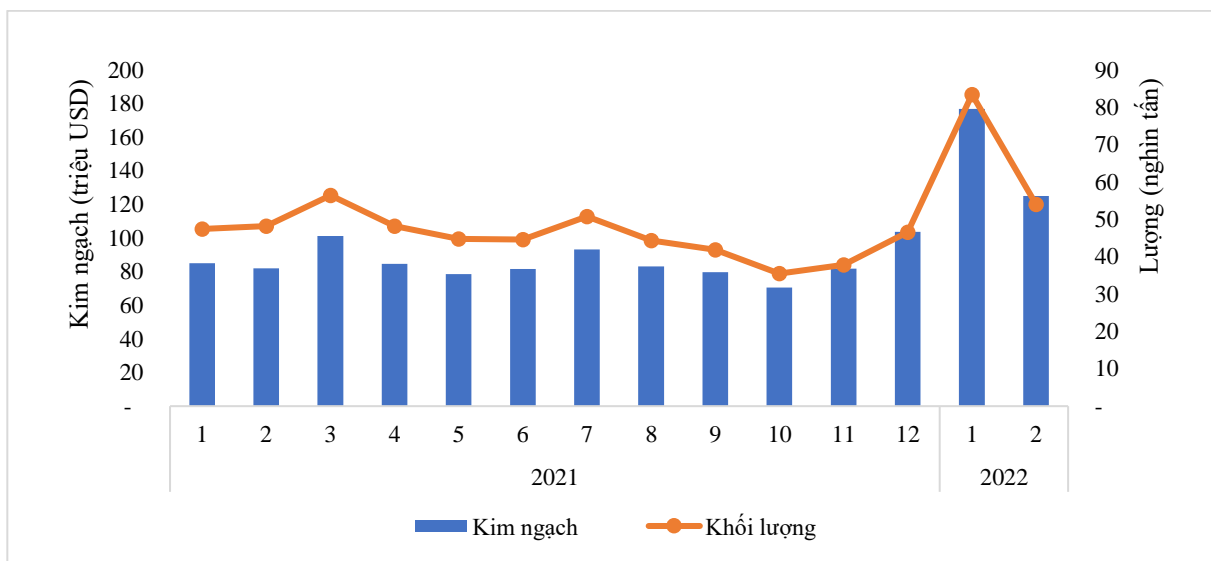
Trong tháng 2/2022, rau quả chế biến đạt 3,2 triệu USD (chiếm 28,3% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 25,4% so với cùng kỳ 2021. Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 48,0% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến, giảm 15,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 40,1%, tăng 115,6%; v.v.

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 2 năm 2022 đạt 3,0 triệu USD, chiếm 3,3% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 35,7% so với cùng kỳ năm 2021. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 8,2 triệu USD, chiếm 3,2% thị phần, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 2/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: táo đạt 1,6 triệu USD (chiếm 52,6% thị phần), tăng 142,0% so với cùng kỳ năm 2021; khoai tây đạt 572,5 nghìn USD (chiếm 18,9%), giảm 34,7%; nho đạt 60,2 nghìn USD (chiếm 2,0%), tăng 220,9%; v.v.

### 3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU tháng 02/2022 ước đạt 54,1 nghìn tấn với trị giá 125,0 triệu USD, giảm 35,2% về lượng và 29,4% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 12,2% về lượng và tăng 52,5% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

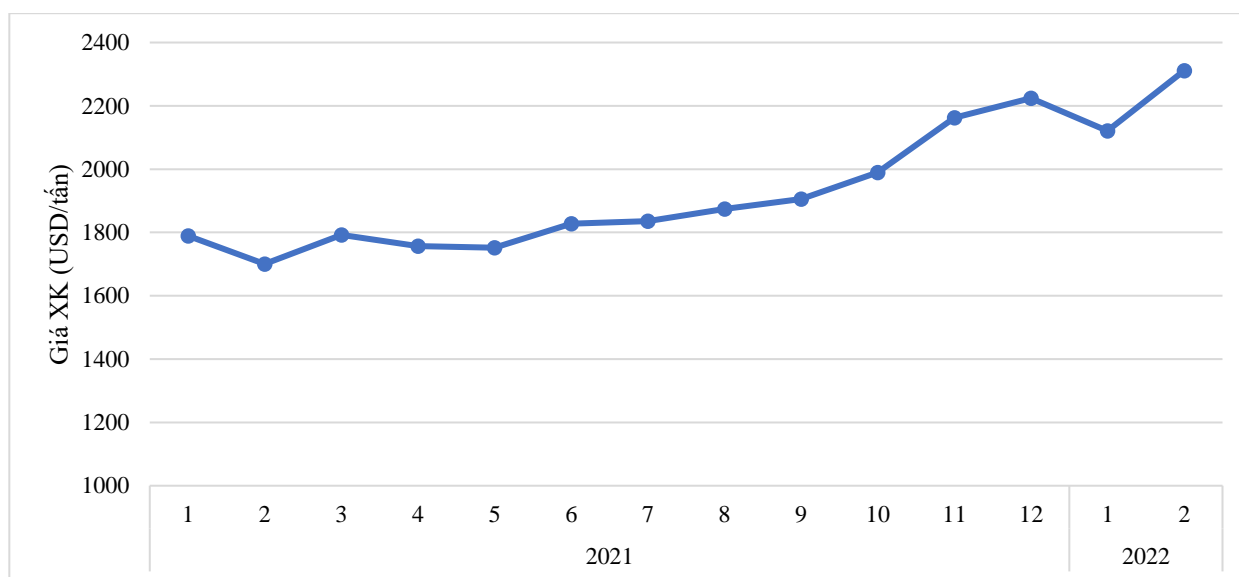
**Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 02/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU đạt 2.311 USD/tấn, tăng 9,0% so với tháng trước và tăng 35,9% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU**

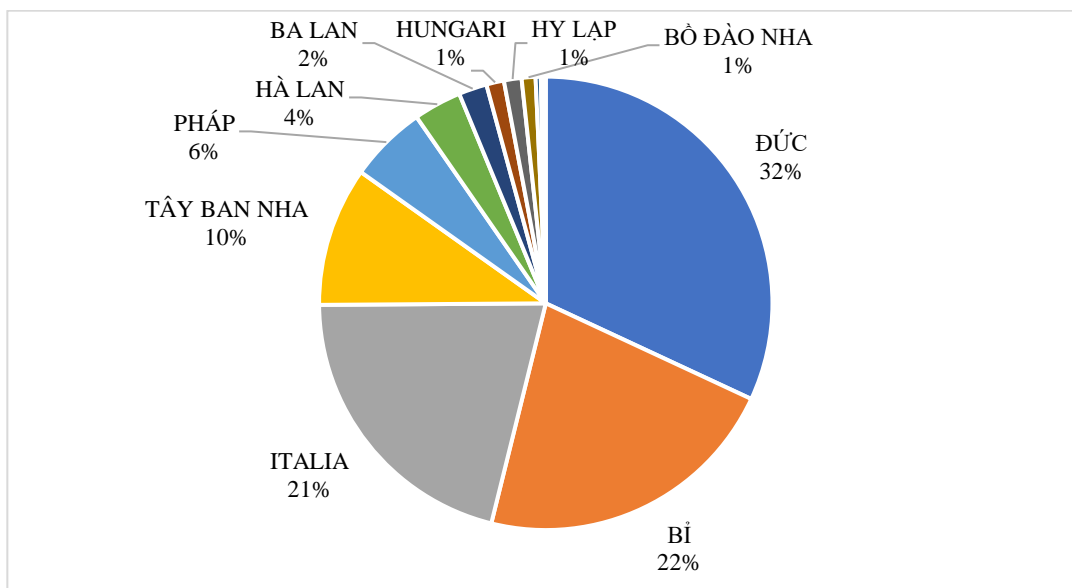


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2022, Đức là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với 39,9 triệu USD, chiếm 31,9% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU. Bỉ là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 27,4 triệu USD, chiếm 21,9%. Tiếp theo là Italia, Tây Ban Nha và Pháp chiếm lần lượt 21,0%, 9,9% và 5,5% trong tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường EU.



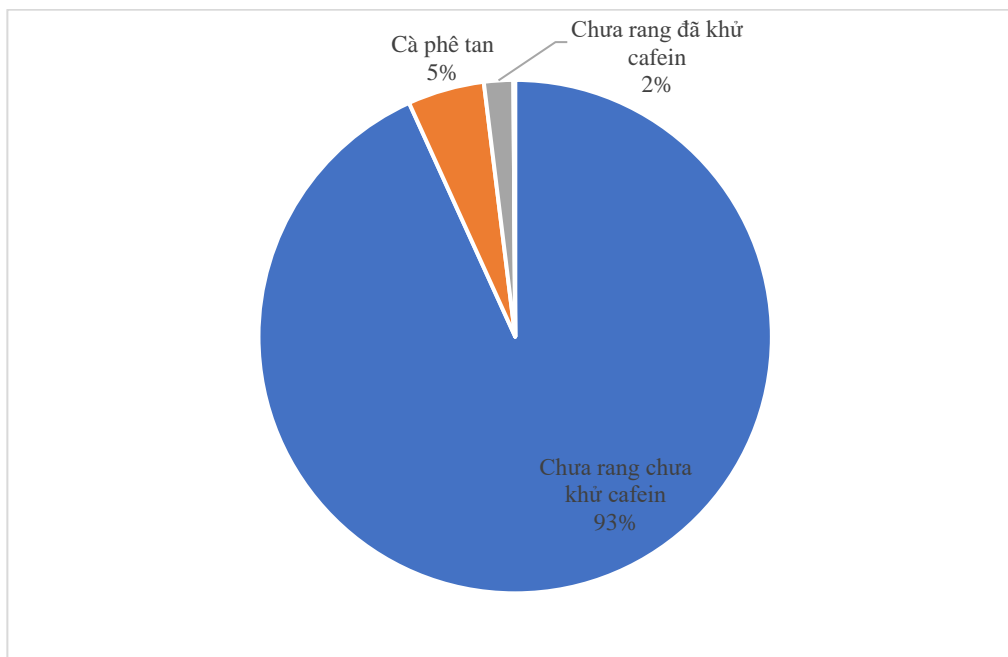
**Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các nước EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 02/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 119,6 triệu USD, chiếm 93,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 6,2 triệu USD, chiếm 4,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử cafein chiếm 1,8% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

**Hình 9: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang EU theo kim ngạch tháng 2/2022**

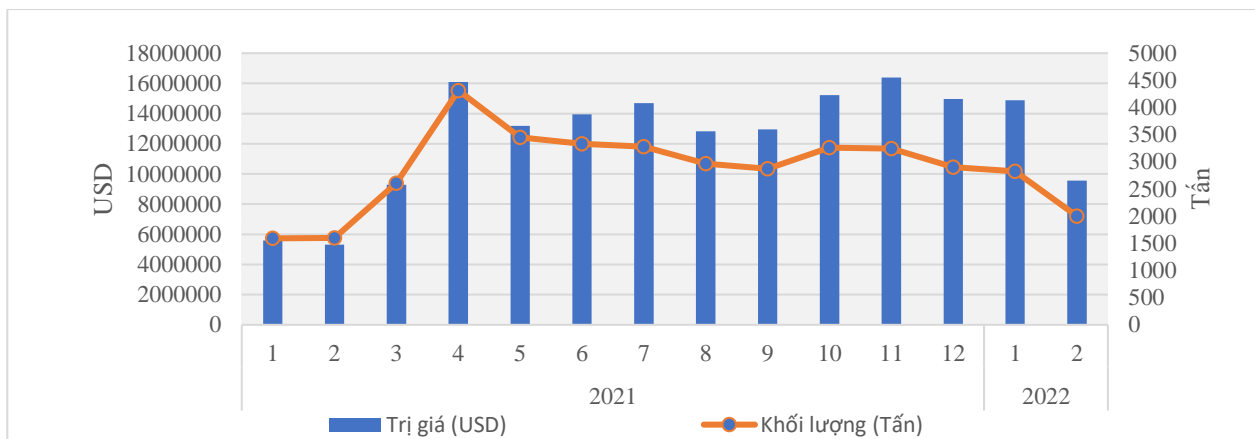


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 4. HỒ TIÊU

Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU giảm nhẹ trong tháng 2/2022. Trong tháng này, sản lượng xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam sang thị trường này đạt 2.000 tấn hồ tiêu với trị giá 9,5 triệu USD, giảm 29,25% về khối lượng và 35,8% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 77,72% về khối lượng và 79% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

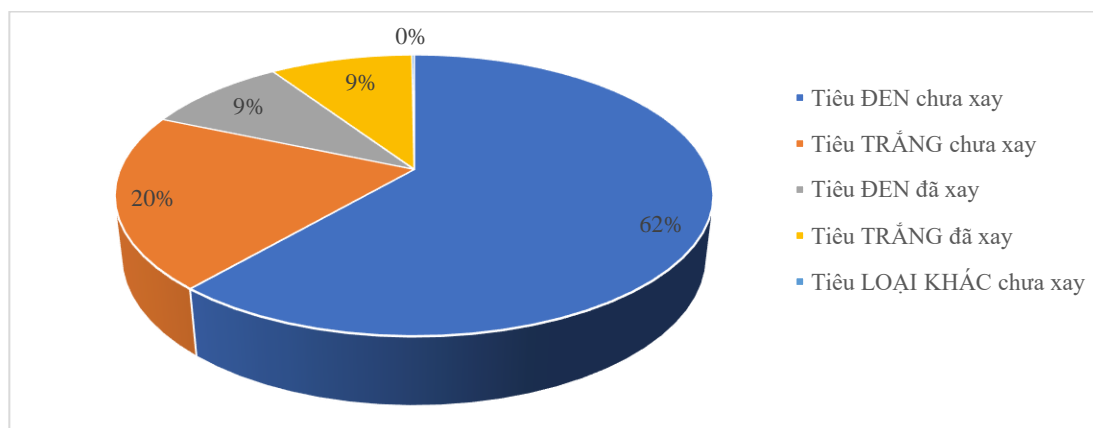
**Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 61,53% tổng giá trị xuất khẩu tiêu vào EU, giảm 11,23% so với tháng trước nhưng tăng 88,65% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 20,11% tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này giảm 51,43% so với tháng trước nhưng tăng 89% so với cùng kỳ năm trước.

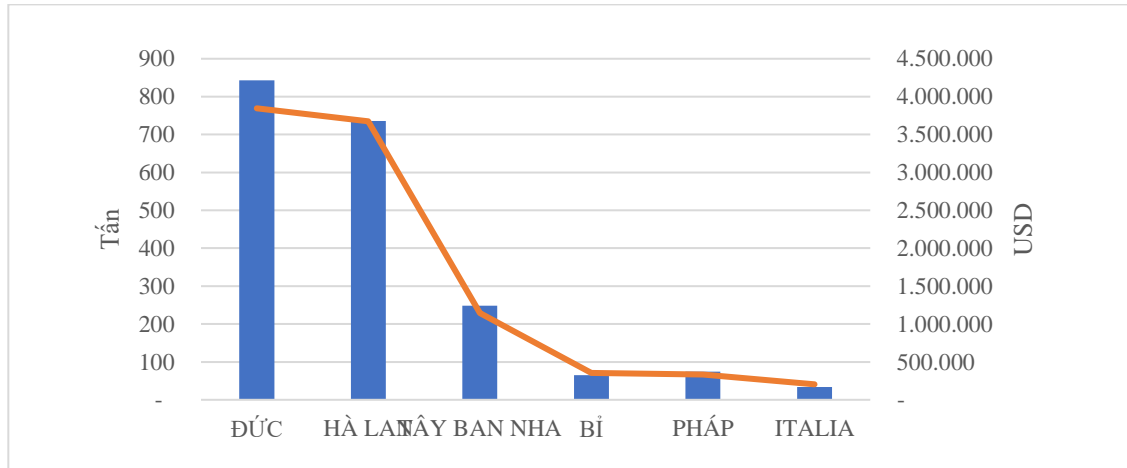
**Hình 11: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường EU tháng 2/2022**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đức là quốc gia dẫn đầu trong khối EU về khối lượng và kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong tháng 2/2022 với 843 tấn, đạt trị giá 3,8 triệu USD (chiếm 40,3% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU). Xếp thứ hai là Hà Lan với khối lượng xuất khẩu đạt 736 tấn, tương đương với 3,6 triệu USD, chiếm 38,4% về giá trị. Xếp cuối cùng là Bỉ với khối lượng xuất khẩu chỉ đạt 65 tấn, trị giá 335 nghìn USD.

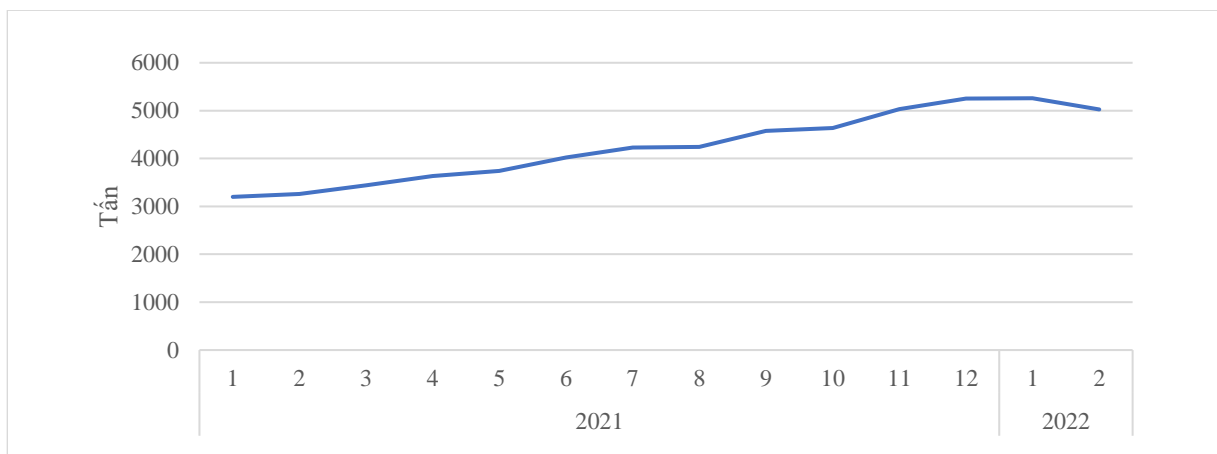
**Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tới các nước trong khối EU tháng 2/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Đơn giá xuất khẩu hồ tiêu vào EU đang có xu hướng tăng mạnh trở lại, giá xuất khẩu trung bình tháng 2/2022 đạt mức 5.025 USD/tấn, giảm 4,4% so với tháng trước nhưng tăng 54,1% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 13: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU**

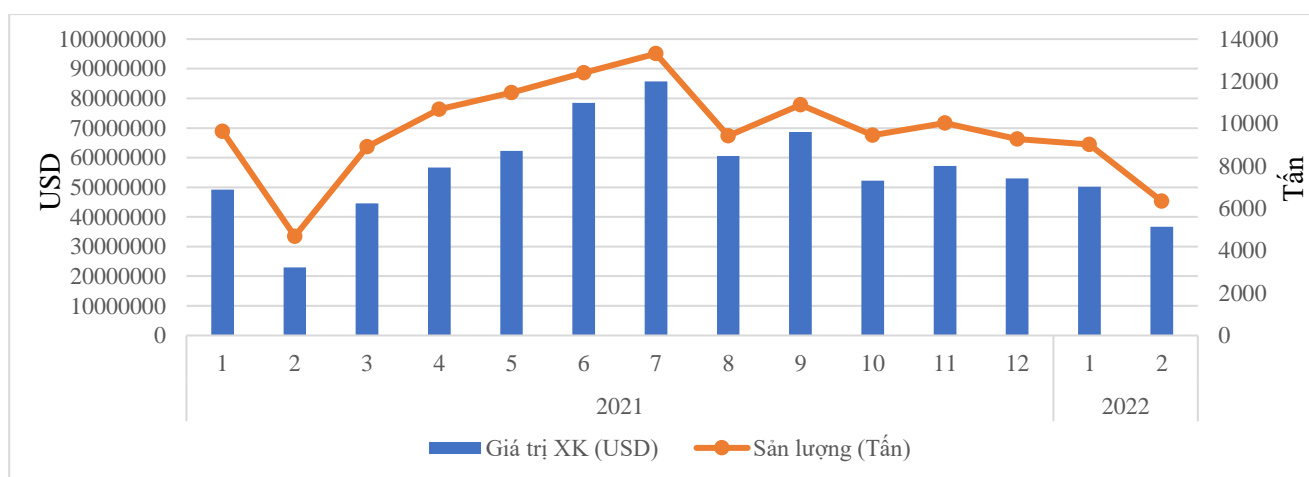


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2022, Việt Nam xuất khẩu được 6,3 nghìn nghìn tấn điều, trị giá 36,7 triệu USD sang thị trường EU, tăng 60,1% về giá trị và 35,2% về khối lượng so với cùng kỳ năm trước; nhưng giảm 32,7% về giá trị và 31,7% về khối lượng so với tháng trước.

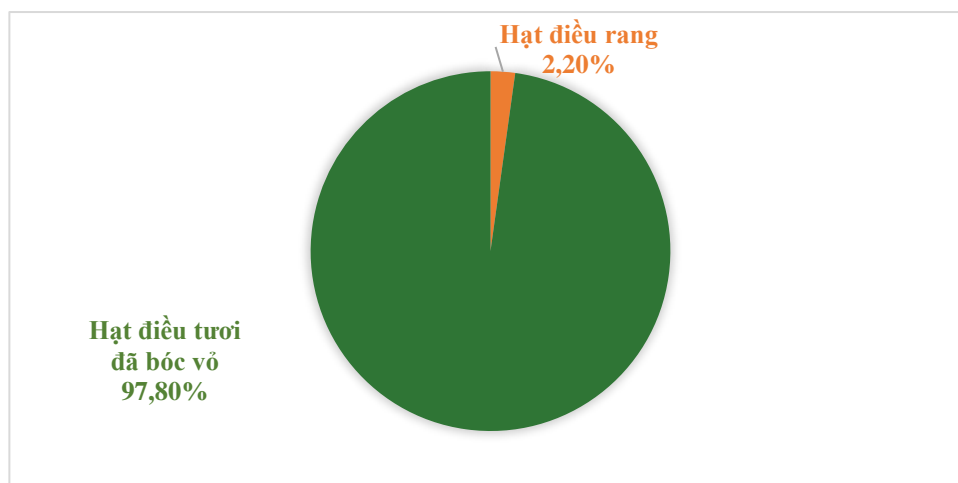
**Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hạt điều sang thị trường này chủ yếu là hạt điều tươi chưa bóc vỏ chiếm tới 97,8%, đạt 35,89 triệu USD, tăng 48,3% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 25,4% so với tháng trước. Giá trị xuất khẩu hạt điều rang tháng này chỉ chiếm 2,2%, đạt 0,8 triệu USD, tăng 561% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 52,8% so với tháng trước.

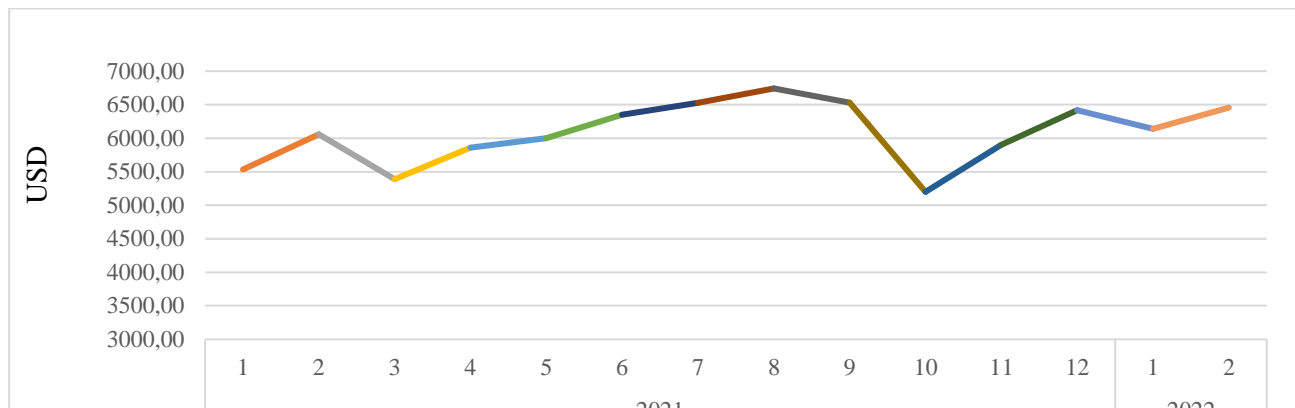
**Hình 15: Cơ cấu xuất khẩu sản phẩm điều sang thị trường EU**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 2/2022, giá xuất khẩu điều sang thị trường này đã phục hồi sau khi giảm mạnh vào tháng trước, đạt 6.455 USD/tấn, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước và 5,1% so với tháng trước.

**Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 2/2022 đạt trung bình là 6,6 USD/kg, tăng 4% so với tháng trước và 11,8% so với cùng kỳ năm trước. Đối với hạt điều rang đạt trung bình đạt 9,9 USD/kg tăng 14,3% so với tháng trước nhưng giảm 5,1% so với cùng kỳ năm trước.

## 6. THỦY SẢN

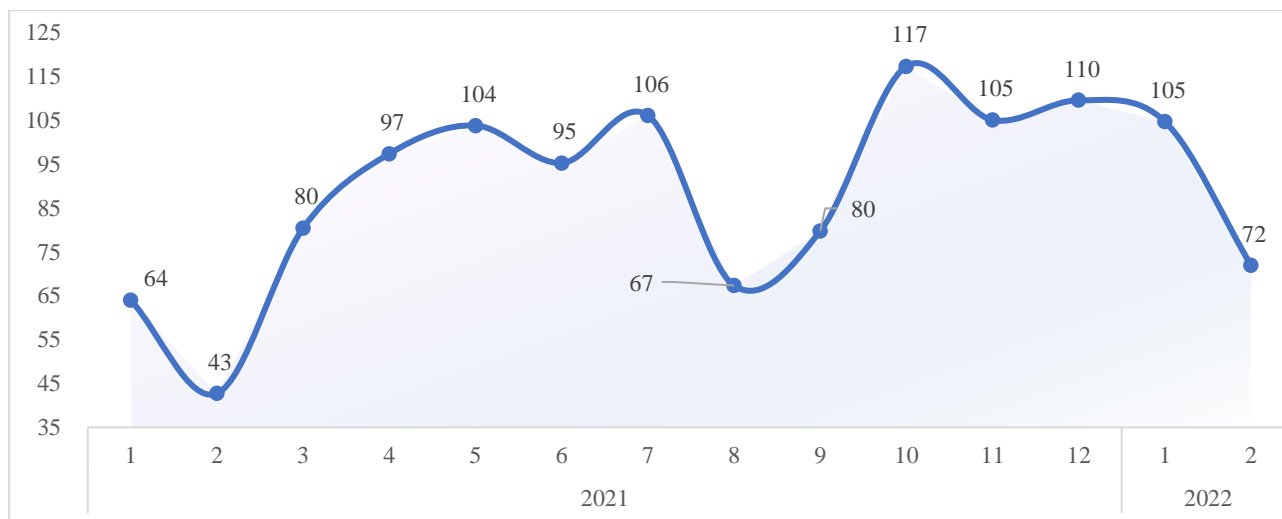
Tháng 2/2022, xuất khẩu thủy sản của Na Uy đạt 11,3 tỷ NOK (tương đương 1,3 tỷ USD), mức cao kỷ lục trong tháng 2 các năm, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2021. Ba Lan là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Na Uy, đạt 21.200 tấn, trị giá 1,1 tỷ NOK (tương đương 123,4 triệu USD). Tháng 2/2022, xuất khẩu cá hồi Đại Tây Dương nuôi của Na Uy đạt 89.700 tấn, trị giá 7,8 tỷ NOK (tương đương 874,9 triệu USD), giảm 5% về lượng, nhưng tăng 47% về trị giá so với tháng 2/2021. Ba Lan, Pháp và Hoa Kỳ là những thị trường xuất khẩu cá hồi Đại Tây Dương nuôi lớn nhất của Na Uy.

Theo số liệu thống kê của ITC, năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Pháp đạt 7,6 tỷ USD, tăng 22% so với năm 2020. Như vậy, nhập khẩu thủy sản của Pháp năm 2021 đã phục hồi trở lại và vượt cả mức trước đại dịch. Pháp chủ yếu nhập khẩu thủy sản từ các thị trường châu Âu như: Anh, Na Uy, Tây Ban Nha. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 19 cho Pháp trong năm 2021. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng nhập khẩu thủy sản của Pháp giảm từ 1,6% trong năm 2020, xuống còn 1,4% trong năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 2/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 72 triệu USD, tăng 68,3% so cùng kỳ năm 2020, và giảm 31,3% so với tháng 1/2022. Tôm và cá da trơn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này. Giá trị xuất khẩu sản phẩm tôm chiếm 56,4% và cá da trơn chiếm 15,1%

**Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU**

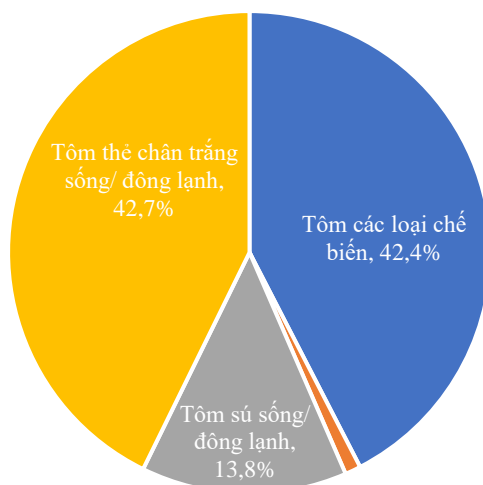
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 2/2022 đạt 40,6 triệu USD, tăng 81,1% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng giảm 23% so với tháng 1/2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 17,4 triệu USD, tăng 91,7% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến các loại đạt 17,2 triệu USD; tăng 60,8%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 5,6 triệu USD, tăng 126,6%.

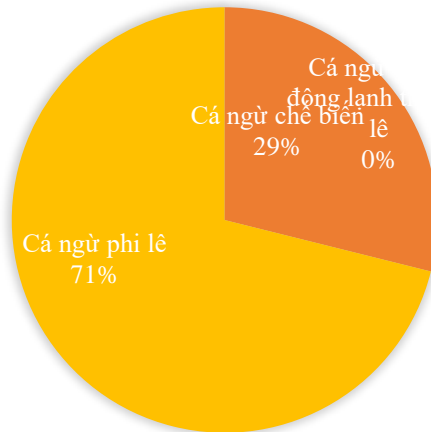
**Hình 18: Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường EU tháng 2/2022**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 2/2022, giá trị xuất khẩu sản phẩm cá ngừ sang thị trường EU có xu hướng giảm so với tháng trước, đạt 8,3 triệu USD, giảm 38,2%. Trong đó, cá ngừ phi lê đạt 5,9 triệu USD, giảm 28,3% ; cá ngừ chế biến đạt 2,4 triệu USD, giảm 36,8%.

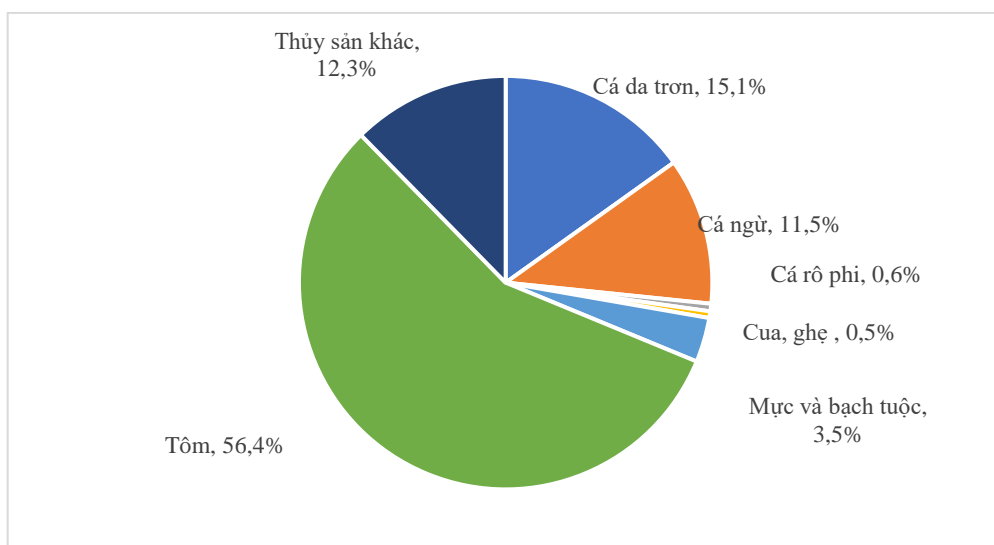
**Hình 19: Cơ cấu sản phẩm cá ngừ xuất khẩu sang thị trường EU tháng 2/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản khác sang thị trường EU tháng 2/2022 như sau: cá da trơn đạt 10,9 triệu USD, chiếm 15,1% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, tăng 94,1% so với tháng 2/2021; mực và bạch tuộc 2,5 triệu USD, chiếm 3,5%, tăng 15,5%; cua-ghẹ đạt 0,4 triệu USD, chiếm 0,5%, tăng 78%; cá rô phi đạt 0,4 triệu USD, chiếm 0,6%, tăng 441,8% và thủy sản khác đạt 7,9 triệu USD, chiếm 12,3%, tăng 61,6 %.

**Hình 20: Cơ cấu một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường EU tháng 2/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong tháng 2/2022 như sau: Tôm đạt 10 USD/kg, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2020; Cá da trơn đạt 3,3 USD/kg, tăng 51%.

**Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 2/2022**

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,3	51,0%	17,6%
2	Cá ngừ	9,4	38,9%	0,1%
3	Cá rô phi	2,6	-0,3%	24,7%
4	Cua, ghẹ	5,5	37,1%	13,4%
5	Mực và bạch tuộc	6,6	34,0%	-4,5%
6	Tôm	10,0	9,3%	3,3%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 7. CAO SU

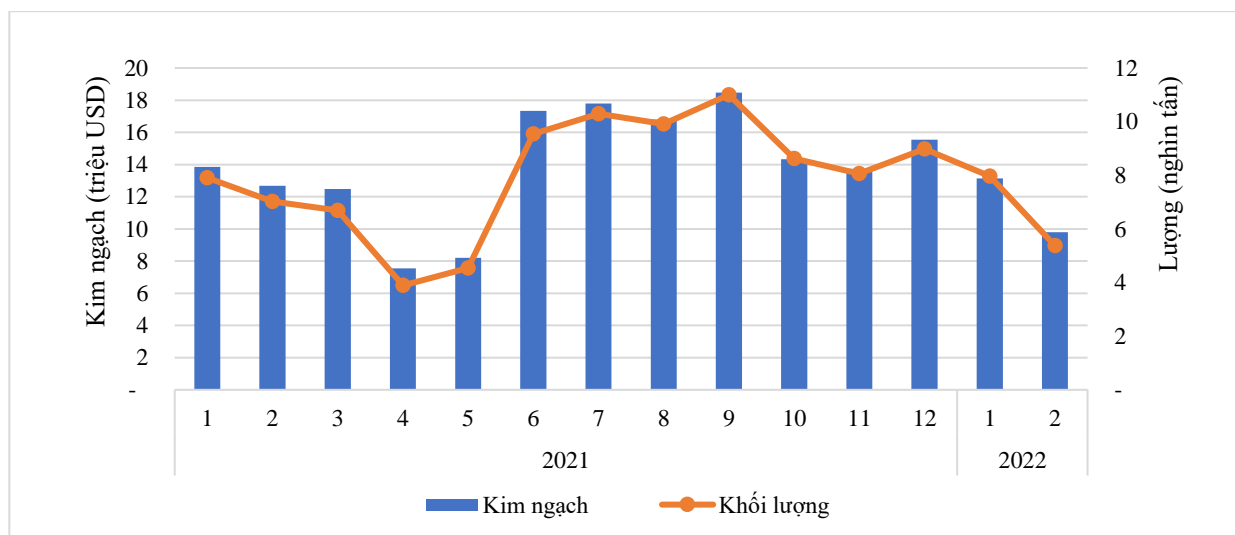
Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dẫn số liệu thống kê của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC) cho biết, năm 2021, Đức nhập khẩu 974,4 nghìn tấn cao su (mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005), trị giá 2,38 tỷ USD, tăng 16% về lượng và tăng 38,7% về trị giá so với năm 2020. Trong đó, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Pháp, Nga và Thái Lan là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Đức trong năm 2021. Đáng chú ý nhập khẩu từ các thị trường này đều tăng cả về lượng và trị giá so với năm 2020.

Trong năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 10 cho Đức với 40,58 nghìn tấn, trị giá 84,37 triệu USD, tăng 29,4% về lượng và tăng 77,7% về trị giá so với năm 2020, thị phần cao su Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Đức chiếm 4,2%, tăng nhẹ so với mức 3,7% của năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 02/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 5,4 nghìn tấn với trị giá 9,8 triệu USD, giảm 32,5% về khối lượng và 25,4% về giá trị so với tháng trước, và giảm 23,4% về khối lượng và giảm 22,8% về giá trị so với cùng kỳ 2021.



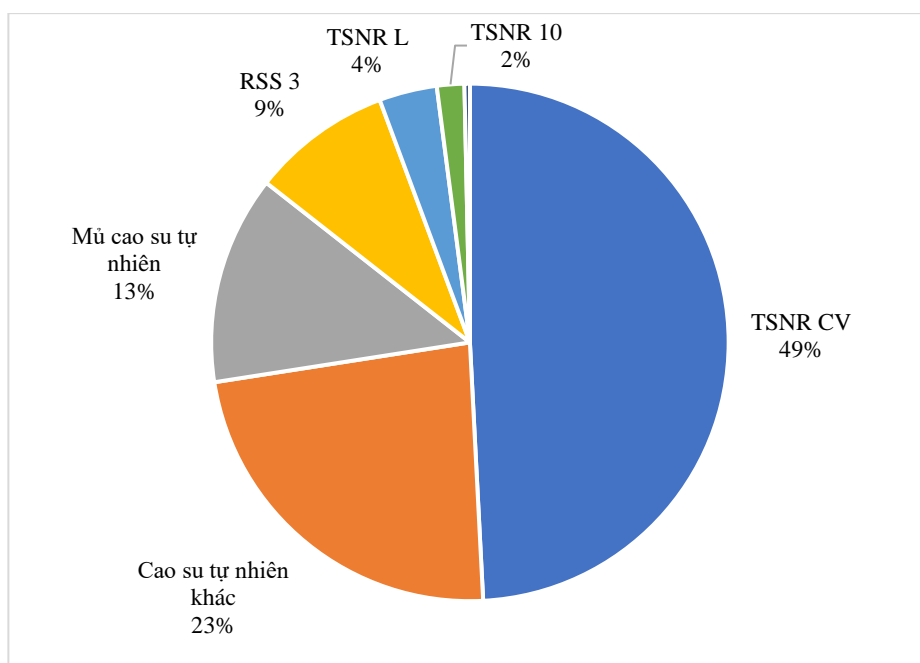
**Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 5,2 triệu USD, chiếm 49,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 1,4 triệu USD, chiếm 13,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và TSNR L, chiếm lần lượt 8,7% và 3,6% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

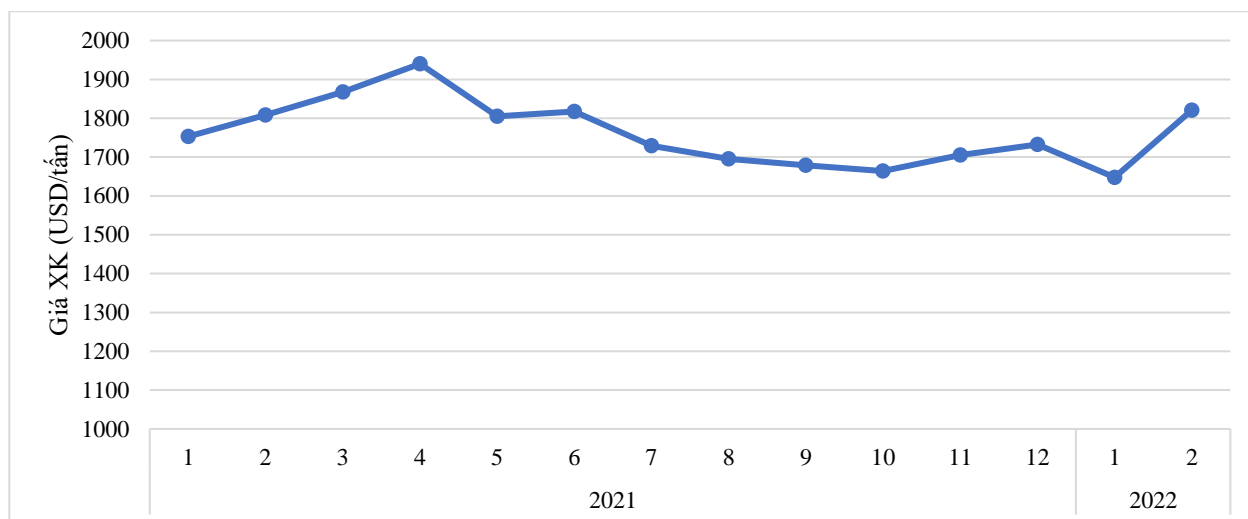
**Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 02/2022**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU đạt mức 1.821 USD/tấn trong tháng 02/2022, tăng 10,5% so với tháng trước và 0,7% so với cùng kỳ 2021.

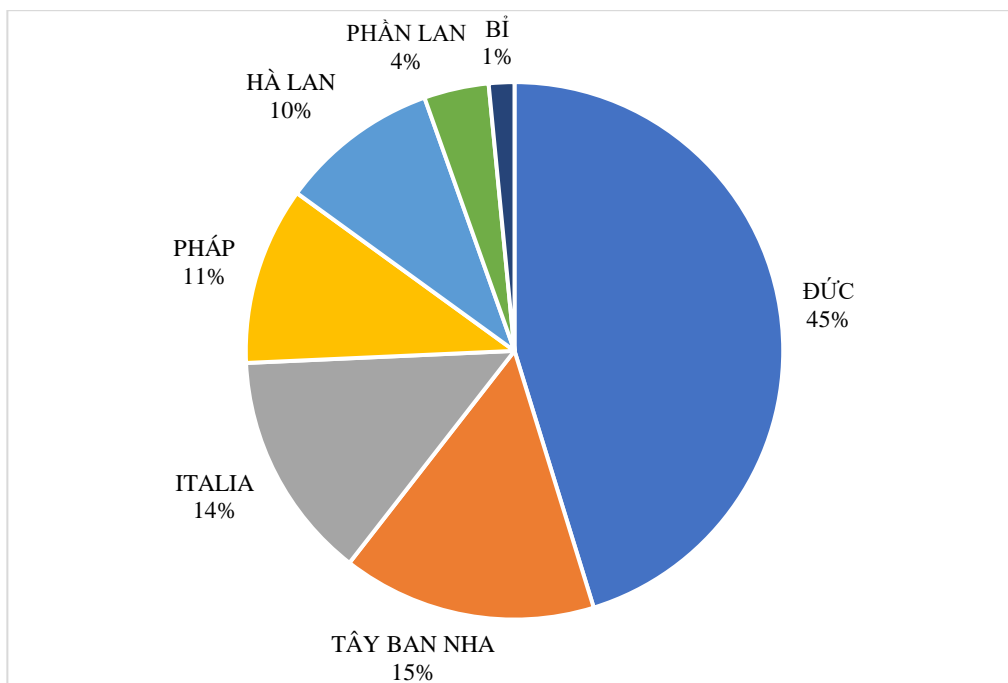
**Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 02/2022, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 4,4 triệu USD, chiếm 45,2% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Tây Ban Nha là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 1,5 triệu USD, chiếm 15,3%. Tiếp theo là Italia, Pháp và Hà Lan chiếm lần lượt 13,8%, 10,7% và 9,6% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

**Hình 24: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU**

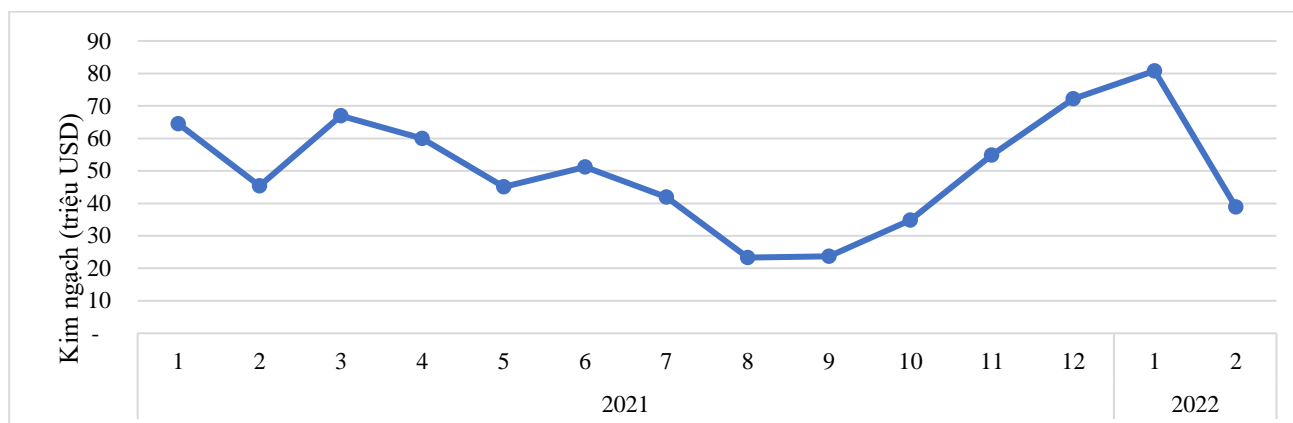


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 02/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 38,9 triệu USD, giảm 51,9% so với tháng trước và giảm 14,4% so với cùng kỳ 2021.

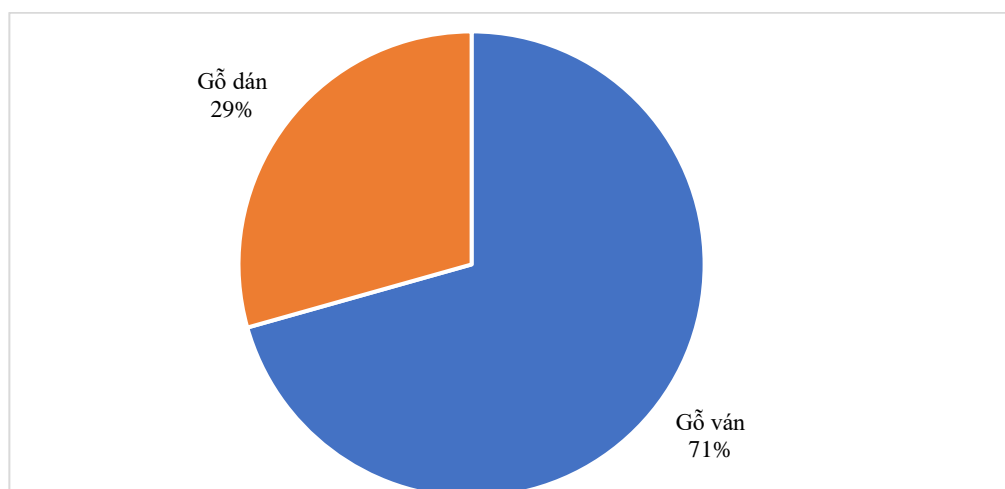
**Hình 25: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 02/2022, gỗ ván là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 286,9 nghìn USD, chiếm 70,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 119,3 nghìn USD, chiếm 29,4% tổng giá trị xuất khẩu.

**Hình 26: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 02/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

# NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

## 1. Gạo

Theo số liệu xuất nhập khẩu mới nhất của Liên minh Châu Âu (EU), tính từ ngày 1/9/2021 đến ngày 20/2/2022 của niên vụ 2021-2022 (1/9/2021 - 31/8/2022), EU đã nhập khẩu tổng cộng 566.842 tấn gạo xay xát (trong đó, nhập khẩu gạo hạt ngắn tổng cộng là 142.454 tấn và nhập khẩu gạo hạt dài đạt tổng cộng 424.388 tấn), tăng khoảng 3,5% từ mức 547.624 tấn của cùng kỳ niên vụ 2020-2021. Xu hướng tăng nhập khẩu này dự kiến sẽ tiếp tục duy trì trong thời gian còn lại của năm 2022 do ảnh hưởng của xung đột Nga-Ukraina khiến nguồn cung lúa mì và ngô thế giới giảm sút nên cần tăng cường mặt hàng lương thực khác như gạo để thay thế.

## 2. Rau quả

Ngày 28/3/2022, EU đã đăng công báo khuyến nghị số 2022/495, khuyến nghị các nước thành viên tăng cường quản lý sự có mặt của Furan và Alkyfurans trong thực phẩm. Đây là các hợp chất sinh ra trong quá trình xử lý nhiệt, có thể gây ung thư, và thường tìm thấy trong cà phê, thực phẩm đóng hộp của trẻ em, bánh bisquit, nước hoa quả, súp ăn liền, ngũ cốc ăn sáng, các loại snack giòn, khoai tây sấy. Các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây của Việt Nam cần quan tâm nhiều hơn đến sự có mặt của các chất này trong sản phẩm của mình. Nếu trong các sản phẩm của Việt Nam có dư lượng Furan và Alkyfuran vượt mức với tần suất nhiều thì các sản phẩm đó có khả năng sẽ bị đưa vào cảnh báo.

## 3. Hồ tiêu

Tại EU, từ ngày 26/1/2022, khối này bắt đầu áp dụng quy định mới đối với hồ tiêu nhập khẩu từ Brazil. Ngoài yêu cầu về chứng nhận kiểm định của tất cả các lô hàng nêu rõ không có salmonella thì EU sẽ tăng xác suất kiểm tra 50% lô hàng nhập khẩu để phát hiện salmonella. Đây có thể coi là 1 lợi thế nữa của hồ tiêu Việt Nam so với đối thủ cạnh tranh tại EU bên cạnh những lợi thế từ Hiệp định EVFTA. Thực tế 2 tháng đầu năm nay các quốc gia trong khối EU cũng đã tăng mạnh nhập khẩu tiêu từ Việt Nam và giảm đáng kể nhập khẩu từ Brazil.

Theo Trung tâm hỗ trợ nhập khẩu từ các nước đang phát triển (CBI), trong giai đoạn năm 2016 - 2020, nhập khẩu tiêu đen của châu Âu đã tăng trung bình 5%/năm. CBI dự kiến tiêu thụ tiêu đen của châu Âu sẽ tiếp tục tăng với tốc độ ổn định do sự gia tăng dân số châu Âu. Trong 5 năm tới, nhập khẩu có khả năng tăng với tốc độ hàng năm từ 1-2%.

#### 4. Hạt điều

Cục Xuất nhập khẩu cho rằng xuất khẩu điều trong quý I chưa nổi bật bởi theo yếu tố chu kỳ, quý I là thời gian châu Âu thường nhập khẩu hạt điều ở mức thấp. Trước tình hình căng thẳng giữa Nga-Ukraine đang khiến nhu cầu nhập hàng từ các đối tác ở châu Âu có thể bị ảnh hưởng trong khi đây là thị trường tiêu thụ 35% sản lượng xuất khẩu điều của Việt Nam, mới đây Hiệp hội Điều Việt Nam (Vinacas) xin hạ mục tiêu xuất khẩu mặt hàng này.

#### 5. Thủy sản

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường Châu Âu vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định. Xuất khẩu cá tra sang thị trường EU cũng có tín hiệu khả quan khi tăng mạnh trong các tháng đầu năm 2022, sau khi gặp khó khăn trong thời gian trước đó và kỳ vọng đà tăng trưởng sẽ được duy trì trong thời gian tới. Nhu cầu tiêu thụ tại EU đang có xu hướng hồi phục trở lại cộng với những ưu đãi đặc biệt về thuế quan từ EVFTA sẽ tiếp tục tạo thuận lợi cho các sản phẩm thủy sản của Việt Nam tăng thêm tính cạnh tranh tại thị trường EU. Tuy nhiên, các sản phẩm cá tra của Việt Nam đang phải cạnh tranh rất mạnh với các nguồn cung cấp khác cho EU.

Mặt khác, diễn biến của dịch COVID-19 tại thị trường trong và ngoài nước cùng với những ảnh hưởng của việc đáp ứng những khuyến nghị từ phía Liên minh châu Âu (EC) về chống đánh bắt hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU) sẽ tiếp tục là những yếu tố tác động lớn nhất đến XK thủy sản của Việt Nam sang thị trường này.

#### 6. Cao su

Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA) cho rằng với đà phục hồi của các nền kinh tế, triển vọng xuất khẩu năm 2022 của ngành cao su khá tươi sáng. Tuy nhiên, triển vọng xuất khẩu còn bị hạn chế bởi giá cước vận tải biển tăng cao. Giá cước container leo thang đến năm thứ 3 do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Việc đứt gãy chuỗi cung ứng, khan hiếm container rỗng đã đẩy doanh nghiệp vào cảnh rất khó thuê tàu và dự báo tình trạng này sẽ còn kéo dài đến năm 2023.

#### 7. Gỗ và SP từ gỗ

Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường EU trong năm 2022 có nhiều thuận lợi. Trong đó, Việt Nam có cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ, bởi nhu cầu nhập khẩu của EU rất lớn. Tỷ trọng xuất khẩu của nhóm hàng này chiếm tới 82,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới EU.

Nhiều đối tác cung ứng cho EU đang phải chống chọi với dịch Covid-19, cộng với áp lực về giá cước vận tải biển tăng cao làm hạn chế nguồn cung gỗ và sản phẩm gỗ vào EU. Vì vậy, đây là cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam khai thác tối đa những ưu đãi, lợi thế mà Hiệp định EVFTA mang lại để nâng cao thị phần xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường này. Việt Nam có lợi thế là đã ký kết Hiệp định Thương mại tự do với EU, theo đó về thuế suất các sản phẩm của Việt Nam sẽ cạnh tranh hơn so với các sản phẩm từ Trung Quốc và Ấn Độ.

## PHỤ LỤC

**Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 2/2022**

STT	Sản phẩm	Tháng 2/2022 (USD)	Tăng/giảm so tháng trước	Tăng/giảm so cùng kỳ năm 2021	Tỷ trọng
1	Cà phê	125.016.238	-28,6%	49,1%	37,8%
2	Cao su	9.789.494	-25,4%	-22,8%	3,0%
3	Chè	59.360	27,0%	-71,0%	0,02%
4	Gạo	4.712.356	-33,2%	278,3%	1,4%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	38.859.803	-51,9%	-14,4%	11,8%
6	Hàng rau quả	11.167.904	-47,3%	1,9%	3,4%
7	Hàng thủy sản	71.965.356	-31,3%	68,3%	21,8%
8	Hạt điều	36.711.526	-27,8%	60,1%	11,1%
9	Hạt tiêu	9.554.742	-35,8%	79,9%	2,9%
10	Sản phẩm mây tre đan	15.234.116	-39,4%	36,0%	4,6%
11	Sản phẩm từ cao su	7.526.264	-45,4%	-42,0%	2,3%
<b>Tổng 11 mặt hàng chính</b>		<b>330.597.159</b>	<b>53,3%</b>	<b>103,1%</b>	<b>100,0%</b>

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 2/2022**

TT	Loại sản phẩm	Tháng 2/2021		Tháng 2/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	469	262.285	2.163	1.849.556	361,1%	605,2%
2	Gạo Japonica	910	632.054	2.392	1.741.594	163,0%	175,5%
3	Các loại gạo khác	526	351.430	1.659	1.121.205	215,2%	219,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 2/2022**

TT	Sản phẩm	Tháng 2/2021	Tháng 2/2022	So sánh
		(USD)	(USD)	T2.2022/T2.2021
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>10.958.951</b>	<b>11.167.904</b>	<b>1,9%</b>
1	Chanh	4.368.564	3.428.897	-21,5%
2	Xoài	859.208	1.856.875	116,1%
3	Thanh long	1.507.156	1.056.551	-29,9%
4	Dừa	733.991	569.316	-22,4%
5	Dứa	361.936	561.805	55,2%
6	Hạt macca	-	255.263	-
7	Khác	3.128.095	3.439.196	9,9%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 2/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 2/2021	Tháng 2/2022	So sánh
	(USD)	(USD)	2022/21 (%)
Cá da trơn	5.687.435,1	10.885.453,6	91,4%
Cá ngừ	6.884.854,6	8.279.180,4	20,3%
Cá rô phi	78.487,3	425.231,8	441,8%
Cua, ghe	9.109,0	374.408,3	4010,3%
Mực và bạch tuộc	2.175.159,1	2.512.883,8	15,5%
Tôm	22.426.283,0	40.605.162,2	81,1%
Thủy sản khác	5.495.921,6	8.883.035,9	61,6%
<b>Tổng</b>	<b>42.757.249,6</b>	<b>71.965.356,0</b>	<b>68,3%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*



**Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 2/2022**

Mặt hàng	Tháng 2/2021 (USD)	Tháng 2/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	74.737.339	119.616.438	60,05%
Cà phê tan	5.958.332	6.196.499	4,00%
Chưa rang đã khử cafein	3.025.547	2.364.625	-21,84%
Đã rang chưa khử cafein	52.003	72.254	38,94%
Khác	50.247	72.625	44,54%
Đã rang đã khử cafein	299		-100,00%
<b>Tổng</b>	<b>83.823.768</b>	<b>128.322.441</b>	<b>53,09%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*